

PHÂN TÍCH KHẢO SÁT NHANH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010 VÀ DỰ CẢM NĂM 2011

Tóm tắt

Để đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010 và dự báo cho năm 2011, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã thực hiện cuộc khảo sát thông qua sàn thông tin trực tuyến VBIS. Cuộc khảo sát này đã thu hút được 180 doanh nghiệp tham gia trả lời. Kết quả của cuộc khảo sát đã cho thấy về cơ bản, tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp trong năm 2010 là ổn định và xu thế này sẽ tiếp tục trong năm 2011. Trong năm 2010, các doanh nghiệp đã nỗ lực tái cấu trúc, cải thiện hiệu suất hoạt động để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, tuy nhiên do tình hình lạm phát làm cho chi phí đầu vào tăng, khiến giá thành trên một đơn vị sản phẩm cũng tăng. Do đó, lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm của nhiều doanh nghiệp đã giảm đi. Theo dự cảm của các doanh nghiệp, năm 2011, chi phí đầu vào cho sản xuất kinh doanh sẽ vẫn tăng lên đẩy giá thành và giá bán lên theo.

Đánh giá về môi trường kinh doanh, đa số các doanh nghiệp nhận định rằng môi trường kinh doanh năm 2010 vẫn chưa có nhiều cải thiện đáng kể so với năm 2009, nhất là sự thiếu ổn định của các điều kiện kinh tế vĩ mô, khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay và lạm phát đã khiến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn hơn. Sang năm 2011, đa số các doanh nghiệp dự cảm rằng môi trường kinh doanh sẽ tốt lên. Để có được sự cải thiện về môi trường kinh doanh trong năm 2011, các doanh nghiệp kiến nghị với Chính phủ cần có các giải pháp để ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, giảm lãi suất vay ngân hàng ở mức 11-12%/năm, giải quyết tình trạng thiếu điện.

PHÂN TÍCH KHẢO SÁT NHANH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010 VÀ DỰ CẢM NĂM 2011

I. GIỚI THIỆU CUỘC KHẢO SÁT

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã đưa ra sáng kiến xây dựng sản phẩm thông tin trực tuyến “**Khảo sát động thái doanh nghiệp Việt Nam- VBIS**” : <http://www.vbis.vn> với mong muốn tập hợp một cách nhanh nhất các nhận định, kiến nghị về môi trường kinh doanh và chính sách kinh tế của các doanh nghiệp có vị trí quan trọng trong nền kinh tế mà đại diện là các doanh nhân tiêu biểu có tầm nhìn, có tri thức và có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng. Với mục đích này, VBIS đã thực hiện nhiều cuộc khảo sát trực tuyến trong thời gian qua và thu được những kết quả quan trọng để giúp các doanh nghiệp cũng như các nhà hoạch định chính sách có thêm một công cụ hữu ích, kịp thời trong giai đoạn hiện nay.

Để đánh giá những tác động của môi trường kinh doanh đến tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp năm 2010 và đưa ra những dự báo cho năm 2011, VBIS đã thực hiện cuộc khảo sát nhanh trong đầu quý I của năm 2011. Cuộc khảo sát này đã thu hút được 180 doanh nghiệp tham gia trả lời.

Trong số 180 DN tham gia trả lời khảo sát, xét theo quy mô lao động, số DN siêu nhỏ chiếm 10,1%, DN nhỏ chiếm 49,5%, DN vừa chiếm 6,1% và DN lớn chiếm 34,3%. Doanh nghiệp nhỏ nhất có 5 lao động, trong khi DN lớn nhất có 90 nghìn lao động, tính trung bình mỗi DN trong mẫu điều tra có 1584 lao động, đây là một tỷ lệ cao so với con số 41 lao động bình quân trong một doanh nghiệp Việt Nam năm 2009 (số liệu tính toán theo cuộc điều tra của Tổng cục Thống kê năm 2010). Tỷ lệ 34,3% các DN tham gia vào cuộc khảo sát là DN lớn cho thấy một mặt là các DN này quan tâm nhiều hơn đến sự biến động của môi trường kinh doanh, mặt khác họ cũng mong muốn đóng góp những kiến kiến của mình cho các nhà hoạch định chính sách.

Bảng 1: Phân loại doanh nghiệp theo quy mô lao động

	Tỷ lệ %	Tỷ lệ lũy kế %
DN siêu nhỏ	10,1	10,1
DN nhỏ	49,5	59,6
DN vừa	6,1	65,7
DN lớn	34,3	100
Tổng cộng	100	

Xét về doanh thu, 63,6% các doanh nghiệp tham gia khảo sát có doanh thu năm 2010 dưới 100 tỷ đồng, trong đó có 16,2% doanh nghiệp có doanh thu dưới 1 tỷ đồng. Có 22,3% doanh nghiệp có doanh thu nằm trong khoảng 100 – 1000 tỷ đồng và 14,1% doanh nghiệp đạt doanh thu năm 2010 trên 1000 tỷ đồng. Bảng 1 ở phần phụ lục cho thấy tương quan tỷ lệ thuận giữa quy mô lao động và doanh thu của doanh nghiệp. Đa số các doanh nghiệp có doanh thu dưới 10 tỷ đồng là các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, các doanh nghiệp lớn thường có doanh thu trên 100 tỷ đồng.

Bảng 2: Phân loại doanh nghiệp theo quy mô lao động

Doanh thu	Tỷ lệ %	Tỷ lệ lũy kế %
Dưới 1 tỷ đồng	16,2	16,2
1-10 tỷ đồng	20,2	36,4
10-100 tỷ đồng	27,2	63,6
100-1000 tỷ đồng	22,3	85,9
Trên 1000 tỷ đồng	14,1	100
Tổng cộng	100	

II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010

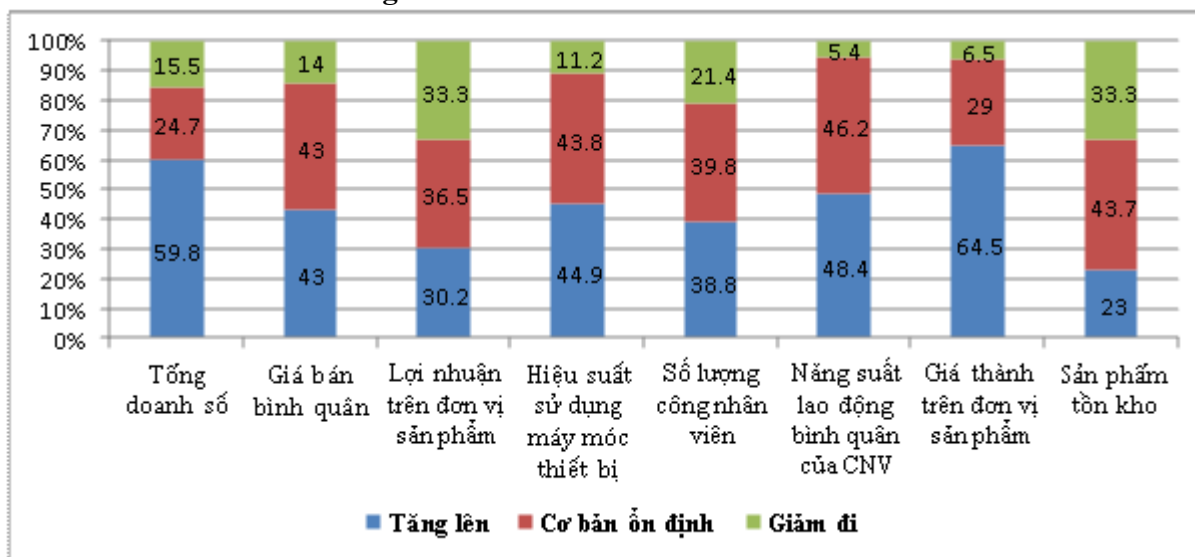
Theo đánh giá của các doanh nghiệp, nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010 là cơ bản ổn định và tốt lên. Có 42% doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010 của mình là ổn định, 40% tự đánh giá tình hình kinh doanh tốt hơn năm trước và chỉ có 18% doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn hơn. Điều này cho thấy các doanh nghiệp đã bước đầu vượt qua được tình trạng khó khăn trong giai đoạn sau khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới.

Hình 1: Đánh giá về tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010



Xét về chi tiết các hoạt động của các doanh nghiệp trong năm 2010, kết quả khảo sát cho thấy yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là chi phí đầu vào tăng lên làm cho giá thành trên một đơn vị sản phẩm cũng tăng lên. Điều này đã nhận được sự đồng tình của 64,5% số DN tham gia khảo sát. Mặc dù chi phí đầu vào tăng lên, nhưng trong bối cảnh kinh tế khó khăn sau giai đoạn phục hồi, 43% doanh nghiệp đã không thể tăng giá bán, thậm chí có 14% số doanh nghiệp còn giảm giá bán sản phẩm, chỉ có 43% doanh nghiệp là tăng giá bán do chi phí đầu vào tăng lên. Bảng 2 phần Phụ lục cho thấy trong số 60 doanh nghiệp có giá thành trên một đơn vị sản phẩm tăng lên thì chỉ có 30 doanh nghiệp thực hiện tăng giá bán sản phẩm, còn lại 20 doanh nghiệp vẫn giữ nguyên giá bán và 10 doanh nghiệp đã phải giảm giá bán sản phẩm. Chính vì điều này, mặc dù các doanh nghiệp đã cố gắng nâng cao hiệu suất sử dụng máy móc, tăng năng suất lao động và giảm lượng hàng tồn kho, tuy nhiên chỉ có 30,2% doanh nghiệp tăng được lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm, trong khi có tới 33,3% doanh nghiệp đã có chỉ số này giảm đi (Xem Hình 2).

Hình 2: Đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010

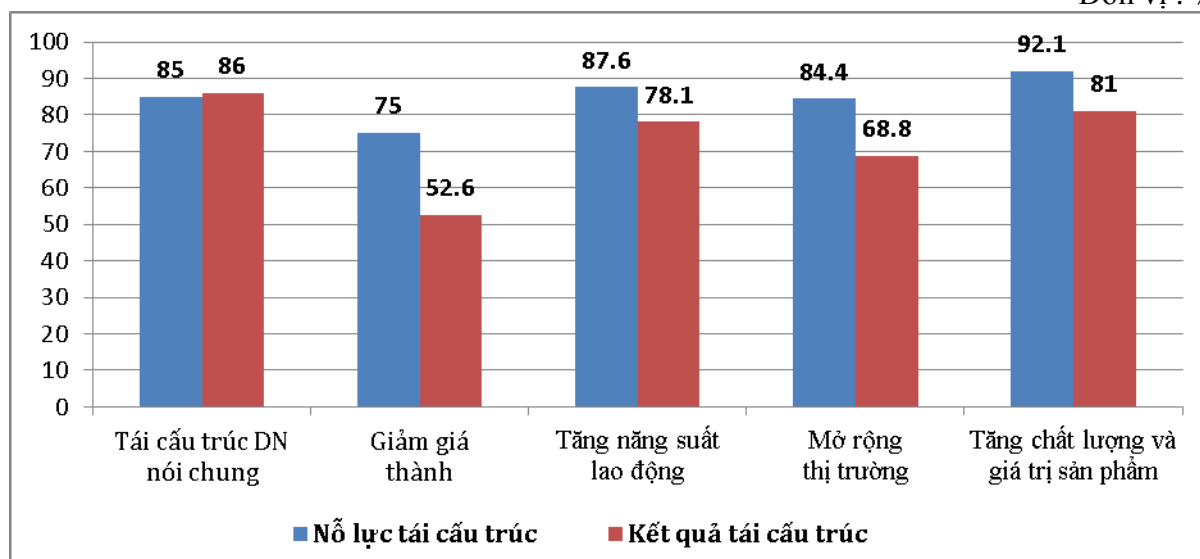


2.2. Tái cấu trúc của doanh nghiệp năm 2010

Theo thông lệ, sau mỗi cuộc khủng hoảng thường diễn ra các cuộc tái cấu trúc nền kinh tế cũng như tái cấu trúc doanh nghiệp. Do vậy vấn đề tái cấu trúc doanh nghiệp được nhắc đến nhiều nhất trong năm 2010. 85% số doanh nghiệp tham gia khảo sát đã cho rằng doanh nghiệp mình đã nỗ lực cao trong quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp và 86% doanh nghiệp hài lòng với kết quả đạt được từ quá trình tái cấu trúc của mình. Tuy nhiên, nếu xem xét chi tiết các trọng tâm của việc tái cấu trúc thì tỷ lệ các doanh nghiệp đạt được mục tiêu đặt ra đều thấp hơn. Trong các trọng tâm của tái cấu trúc, các doanh nghiệp tập trung nhiều nhất vào việc tăng chất lượng và giá trị sản phẩm (chiếm 92,1%) và tỷ lệ các doanh nghiệp hài lòng về kết quả đạt được cũng cao nhất (81%). Hai trọng tâm tiếp theo của tái cấu trúc tập trung vào tăng năng suất lao động (87,6%) và mở rộng thị trường (84,4%). Việc giảm giá thành sản phẩm cũng thu hút được sự chú ý của 75% số doanh nghiệp tham gia phỏng vấn, tuy nhiên tỷ lệ các doanh nghiệp thực sự giảm được giá thành sản phẩm chỉ dừng lại ở con số 52,6%, đây là tỷ lệ thấp nhất trong số 4 trọng tâm của việc tái cấu trúc.

Hình 3: Nỗ lực và kết quả của việc tái cấu trúc của doanh nghiệp trong năm 2010

Đơn vị : %

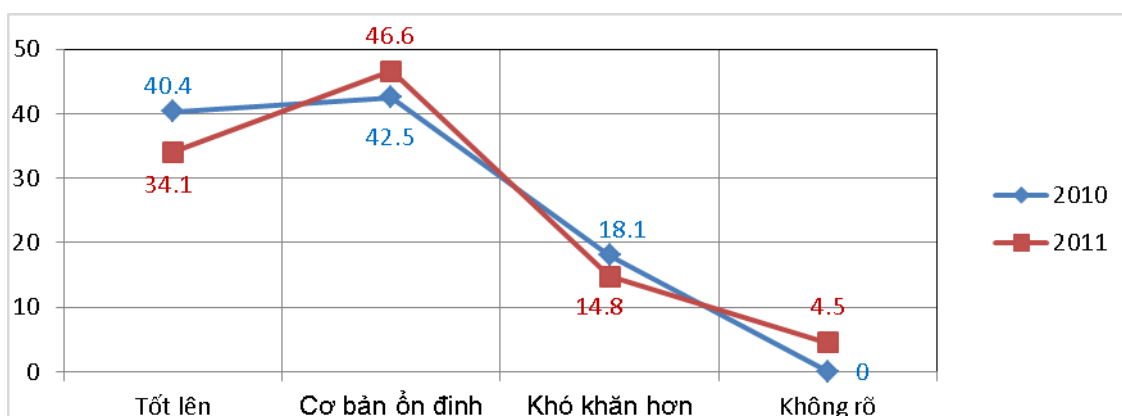


2.3. Dự báo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2011

Theo dự cảm của 46,6% các doanh nghiệp tham gia khảo sát, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong năm 2011 sẽ cơ bản ổn định. Tỷ lệ các doanh nghiệp cho rằng sẽ hoạt động tốt hơn trong năm 2011 đã giảm đi so với năm 2010, từ 40,4% xuống còn 34,1%, điều này cho thấy những biến động của tình hình kinh tế trong nước và thế giới trong những tháng đầu năm 2011 đã khiến các doanh nghiệp không lạc quan hơn so với thực tế năm 2010. Tuy nhiên, họ cũng tin vào năng lực của doanh nghiệp mình và các chính sách của Chính phủ trong việc ổn định tình hình kinh tế, chính vì vậy mà tỷ lệ các doanh nghiệp có dự cảm xấu về tình hình sản xuất kinh doanh đã giảm, từ 18,1% năm 2010 xuống còn 14,8% năm 2011.

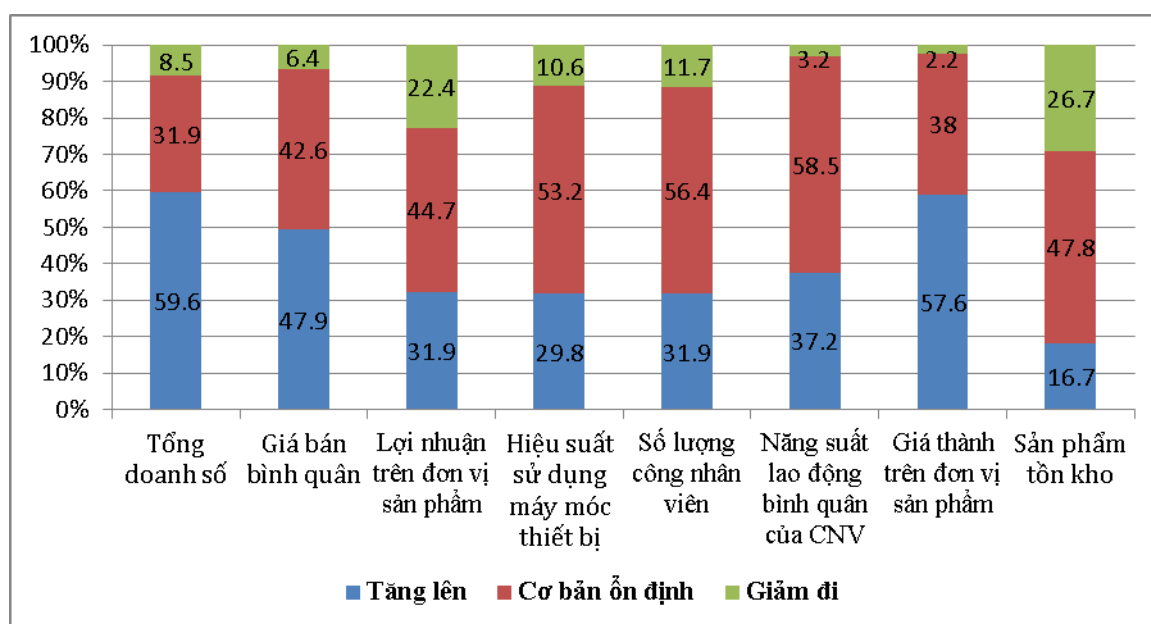
Hình 4: Dự cảm về tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh năm 2011

Đơn vị : %



Theo đánh giá của các doanh nghiệp tham gia khảo sát, năm 2011, đa số các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ giữ ở mức ổn định so với năm 2010, ngoại trừ yếu tố giá thành trên đơn vị sản phẩm, giá bán bình quân và tổng doanh số sẽ tăng lên.

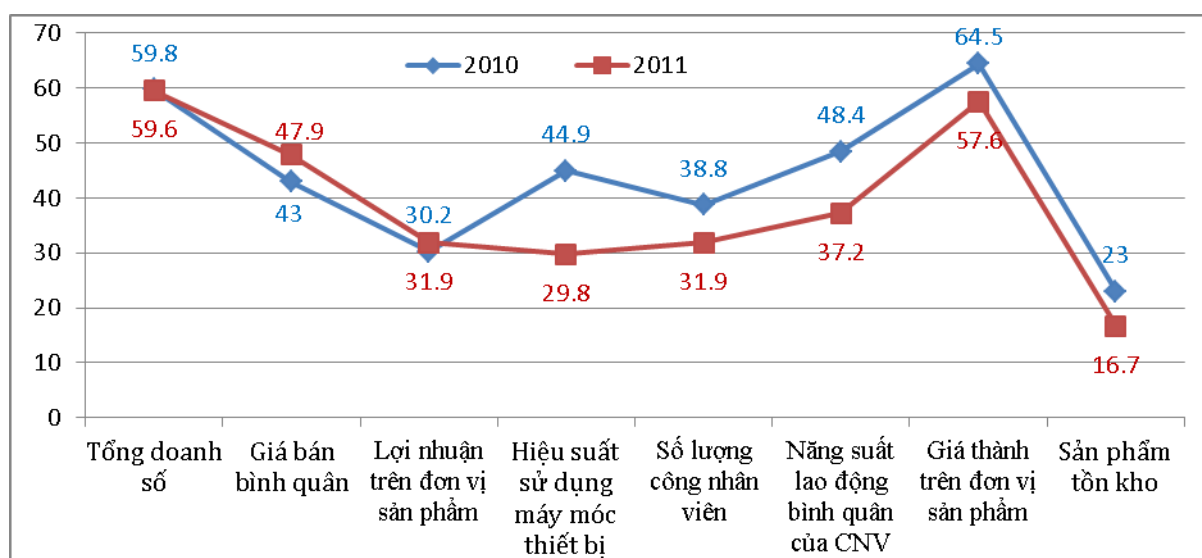
Hình 5: Dự cảm về các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011



Hình 6 cho chúng ta thấy các dự cảm về sự tăng lên của các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh như hiệu suất sử dụng máy móc và năng suất lao động đều thấp hơn so với năm 2010. Điều này cho thấy đa phần các doanh nghiệp đã cố gắng cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2010, do vậy sang năm 2011, các doanh nghiệp sẽ chủ yếu duy trì mức hiệu quả đã đạt được này. Ngoài ra, yếu tố chi phí đầu vào tuy được đa số doanh nghiệp dự cảm sẽ tiếp tục tăng trong năm 2011, tuy nhiên sự tăng lên này sẽ không kéo theo sự tăng lên mạnh mẽ của giá thành sản phẩm như năm 2010, vì dường như sau sự biến động của tình hình lạm phát năm 2010, một số doanh nghiệp đã dự tính trước được xu thế tăng giá chi phí đầu vào này để đưa vào trong chí phí sản xuất từ trước hoặc là có các biện pháp khắc phục (mua dự trữ từ trước hoặc tìm nguyên liệu thay thế) để giữ nguyên giá thành sản phẩm.

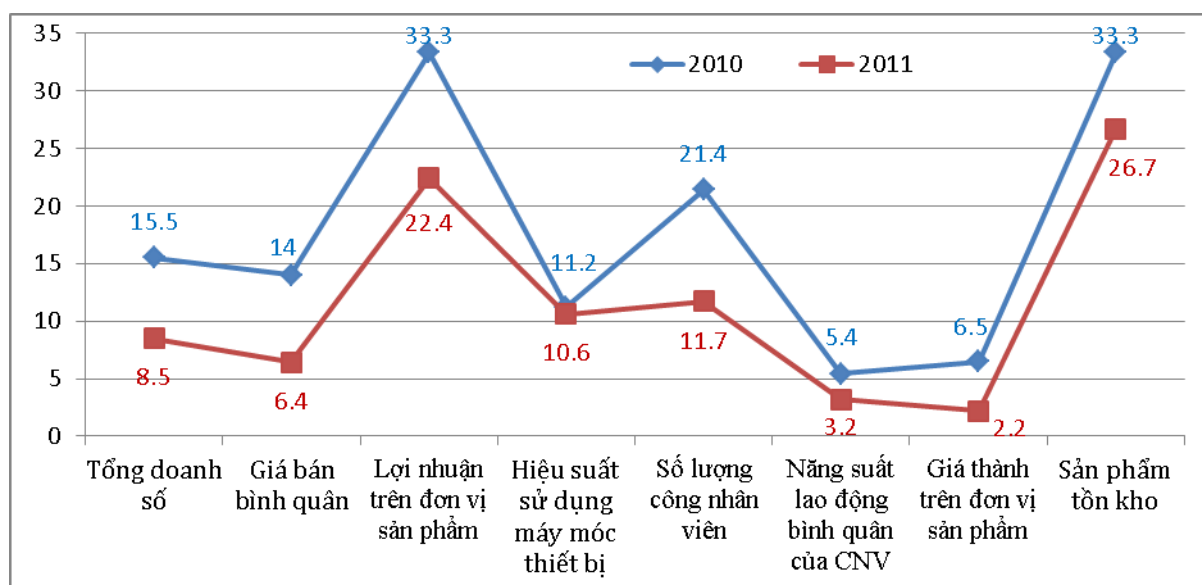
Hình 6: Dự cảm về sự tăng lên của các yếu tố sản xuất kinh doanh năm 2011 so với 2010

Đơn vị : %



Hình 7: Dự cảm về sự giảm đi của các yếu tố sản xuất kinh doanh năm 2011 so với 2010

Đơn vị : %



Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng hai yếu tố lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm và tổng doanh số sẽ tăng lên không đổi so với năm 2010, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp lo ngại về sự giảm đi của hai yếu tố này đã ít hơn nhiều so với năm 2010. Điều này chứng tỏ số lượng các doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn đã tăng lên và họ tin tưởng vào một kết quả kinh doanh tốt hơn trong năm 2011. Xem Hình 7.

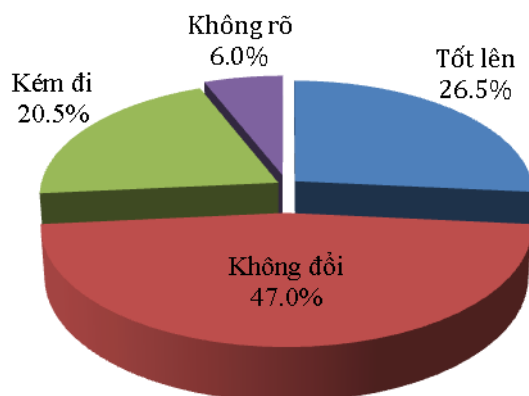
III. ĐÁNH GIÁ VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

3.1. Đánh giá môi trường kinh doanh năm 2010

3.1.1. Môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô

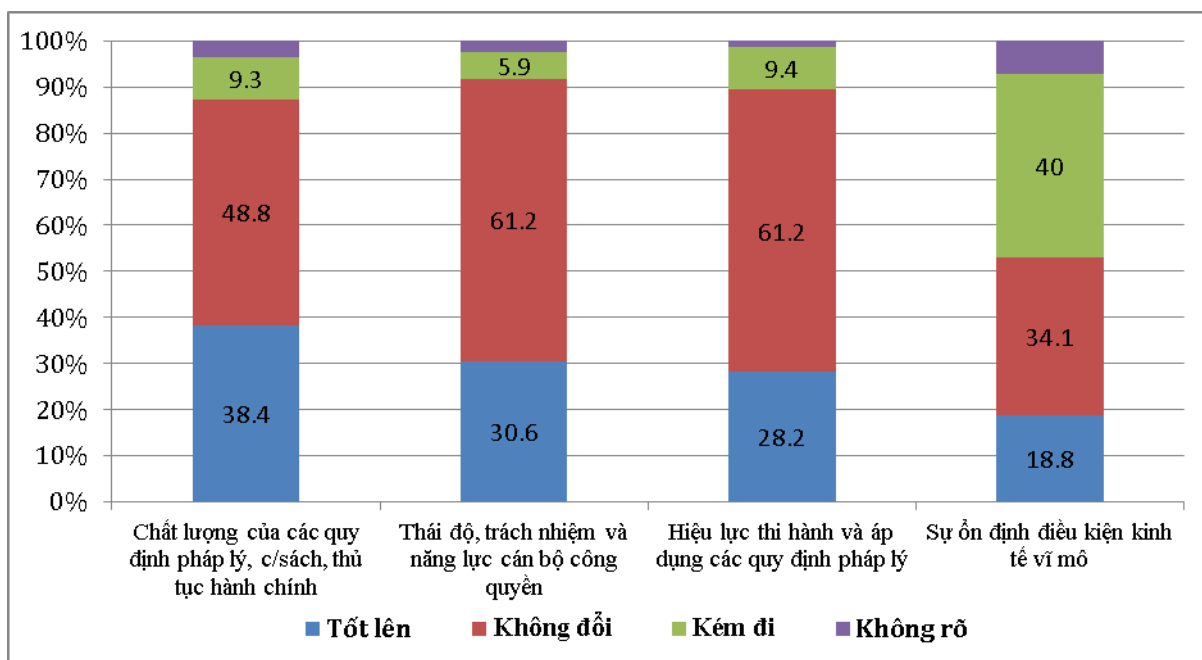
Đánh giá chung của 47% doanh nghiệp tham gia khảo sát về tác động của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2010 chủ yếu là không thay đổi so với năm 2009. Chỉ có 26,5% doanh nghiệp được hỏi được hưởng lợi từ các yếu tố của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô, trong khi tỷ lệ doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực từ các nhân tố này cũng khá cao, 20,5%.

Hình 8: Đánh giá ảnh hưởng của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2010



Trong số các ảnh hưởng tiêu cực thì tác động của sự bất ổn kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp là lớn nhất, tới 40% số doanh nghiệp chịu sự tác động tiêu cực từ sự bất ổn này, trong khi chỉ có 18,8% doanh nghiệp cảm thấy các chính sách bình ổn kinh tế vĩ mô của chính phủ có tác dụng tốt đến doanh nghiệp của họ. Rõ ràng, ổn định kinh tế vĩ mô luôn là vấn đề được đặt ra hàng đầu trong năm 2010 và cả năm 2011. Năm 2010, nhờ các kết quả đạt được từ việc thực hiện Đề án 30, chất lượng của các quy định pháp lý, các chính sách và thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp đã được cải thiện rõ rệt. Đây là yếu tố có tác động tích cực nhất đến hoạt động của các doanh nghiệp trong năm 2010 với 38,4% số doanh nghiệp. Hai yếu tố còn lại là “Thái độ, ý thức trách nhiệm và năng lực của các cán bộ công quyền” và “Hiệu lực thực thi và áp dụng các quy định pháp lý” cũng đã có một số cải thiện, tuy nhiên phần lớn các doanh nghiệp vẫn cảm thấy hai yếu tố này không thay đổi so với năm 2009.

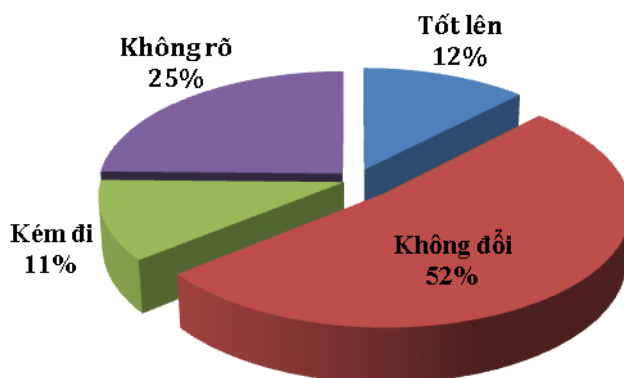
Hình 9: Tác động của các yếu tố của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2010



3.1.2. Các điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh

Cũng giống môi trường pháp lý, đa số các doanh nghiệp tham gia khảo sát đánh giá rằng tác động của các điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh đến hoạt động của họ năm 2010 giống với năm 2009. Chỉ có số ít các doanh nghiệp nhận thấy các điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh tốt lên, chiếm 12%, trong khi cũng có đến 11% số các doanh nghiệp cho rằng các điều kiện này đã kém đi so với năm 2009.

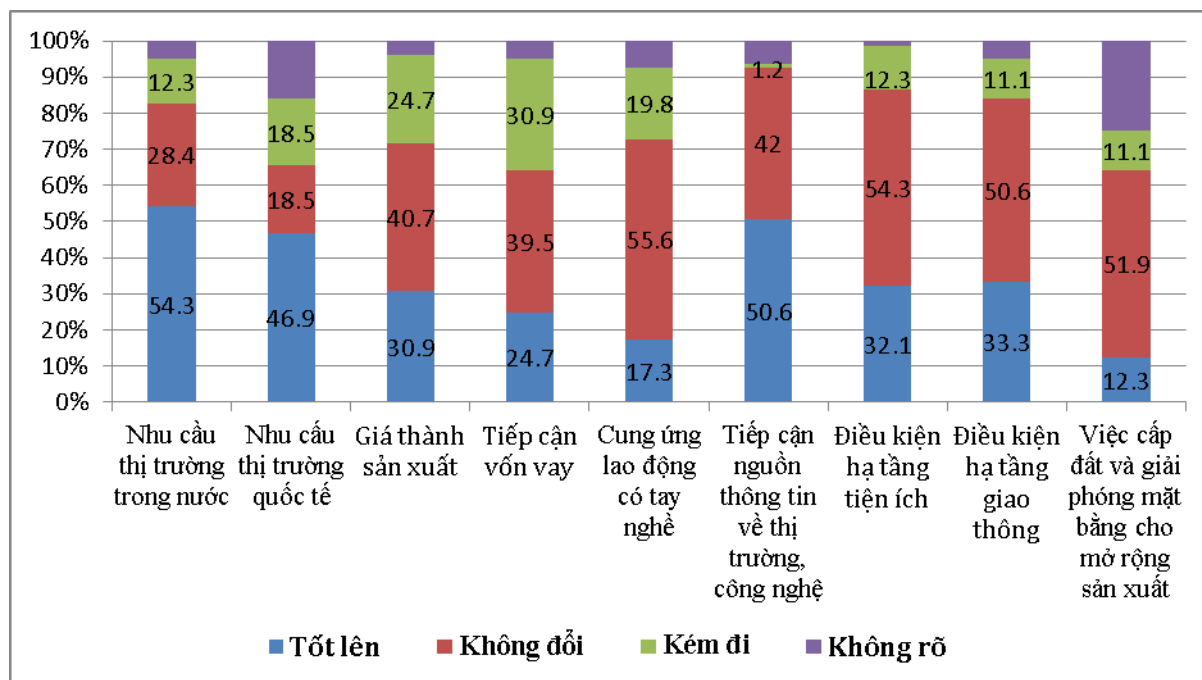
Hình 10: Đánh giá ảnh hưởng chung của tổng thể điều kiện sản xuất kinh doanh đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2010



Trong số các điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh, việc gia tăng nhu cầu của thị trường trong nước cũng như quốc tế cộng với việc tiếp cận nhiều hơn các nguồn thông tin về thị trường và công nghệ là 3 yếu tố có tác động tích cực nhất đến hoạt động của doanh nghiệp. Khoảng một nửa số doanh nghiệp được hỏi nhận thấy ba yếu tố này có ảnh hưởng tốt

đến hoạt động của doanh nghiệp họ. Trong khi đó, các yếu tố đầu vào bao gồm vốn, nguyên vật liệu và lao động có tay nghề có nhiều ảnh hưởng xấu nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2010 với tỷ lệ lần lượt là 30,9%, 24,7% và 19,8%. Các yếu tố còn lại là điều kiện hạ tầng tiện ích, điều kiện hạ tầng giao thông và việc cấp đất giải phóng mặt bằng cho mở rộng sản xuất nhìn chung vẫn không đổi và mang lại ít thay đổi tích cực cũng như tiêu cực cho các doanh nghiệp trong năm 2010.

Hình 11: Đánh giá ảnh hưởng các điều kiện sản xuất kinh doanh đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2010



3.2. Dự cảm môi trường kinh doanh năm 2011

3.2.1. Dự cảm về môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô năm 2011

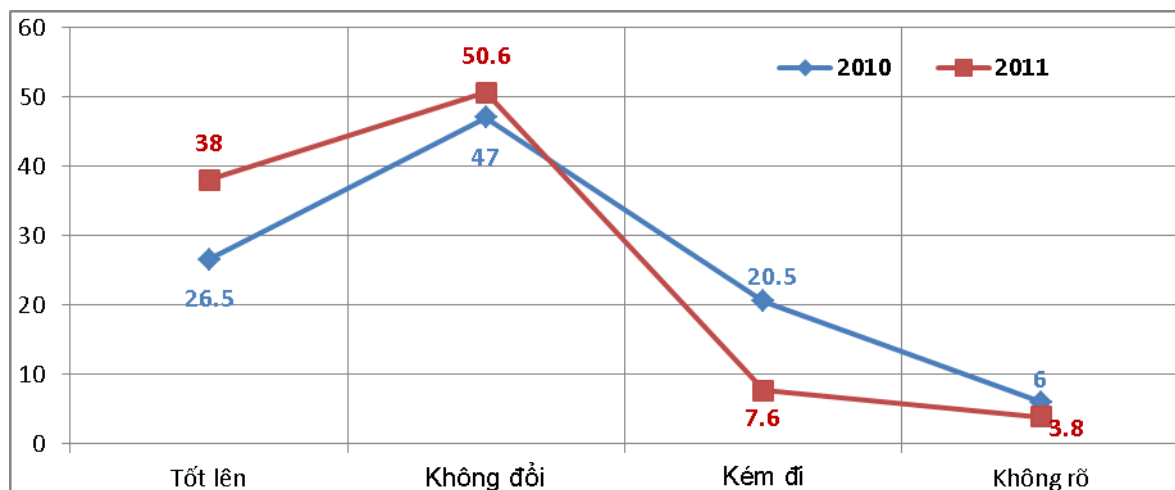
Sau những cải cách về môi trường pháp lý năm 2010 và những chính sách đưa ra của Chính phủ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, các doanh nghiệp đã lạc quan hơn trong năm 2011. Tỷ lệ các doanh nghiệp dự cảm rằng tác động của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô tới doanh nghiệp họ sẽ tốt lên đã tăng từ 26,5% năm 2010 lên đến 38% năm 2011. Đồng thời tỷ lệ số doanh nghiệp có dự cảm xấu về môi trường kinh doanh đã giảm rõ rệt, từ 20,5% năm 2010 xuống còn 7,6% năm 2011. Điều này chứng tỏ sự lạc quan và niềm tin của các doanh nghiệp vào các chính sách cải cách và ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

Dự cảm của doanh nghiệp về sự cải thiện tốt đối với tất cả 4 yếu tố của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô. Tỷ lệ các doanh nghiệp cho rằng ảnh hưởng của các yếu tố này sẽ tốt lên đã tăng hơn so với năm 2010 (xem hình 13). Tuy vẫn còn một phần nhỏ số doanh nghiệp cho rằng ảnh hưởng của các yếu tố này sẽ xấu đi trong năm 2011, tuy nhiên tỷ lệ này đã giảm đi so với năm 2010 (xem hình 14). Đặc biệt, đánh giá của doanh nghiệp đối với sự ổn định điều kiện kinh tế vĩ mô đã cải thiện rõ rệt. Nếu năm 2010, chỉ có 18,8% doanh nghiệp đánh giá là yếu tố này đã được cải thiện tốt hơn, thì đến năm 2011, có đến 30,4% doanh nghiệp dự cảm điều này. Đồng thời, tỷ lệ đánh giá và dự cảm về tác động xấu của yếu tố này cũng đã giảm

đi, từ 40% năm 2010 xuống còn 25,3% năm 2011. Rõ ràng, các doanh nghiệp đã tin tưởng vào sự ổn định của các điều kiện kinh tế vĩ mô, các chính sách và giải pháp của Chính phủ trong việc tái cơ cấu nền kinh tế, kiềm chế lạm phát và ổn định tỷ giá.

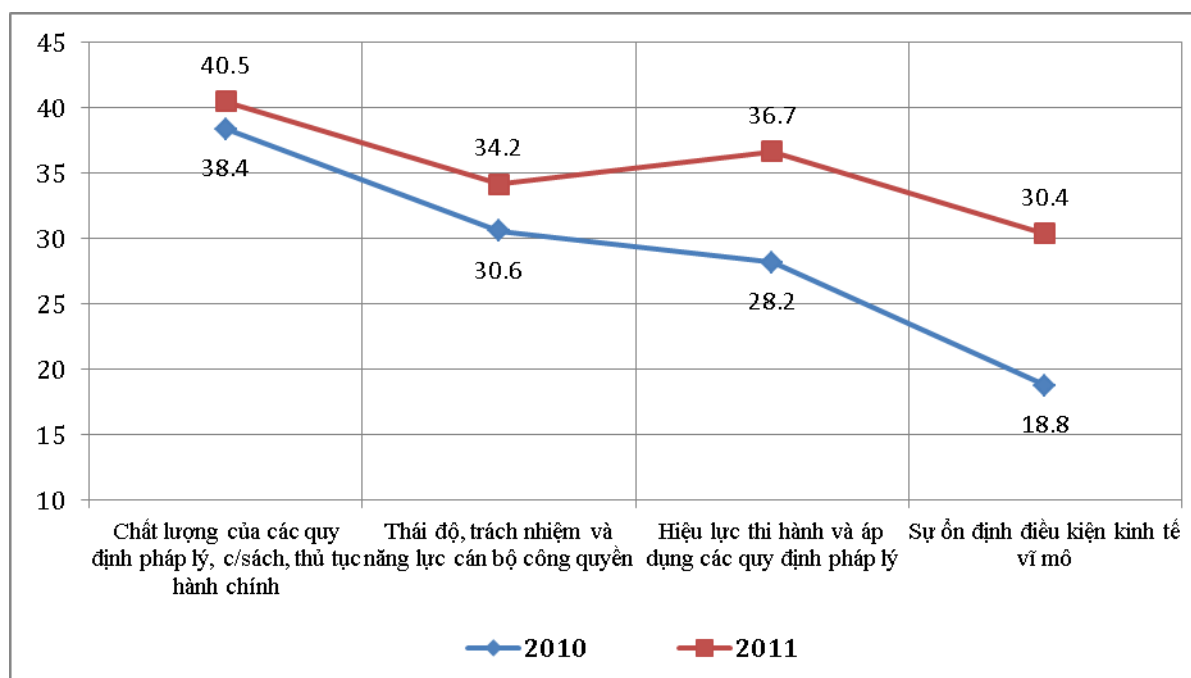
Hình 12: Dự cảm về ảnh hưởng của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2010

Đơn vị : %



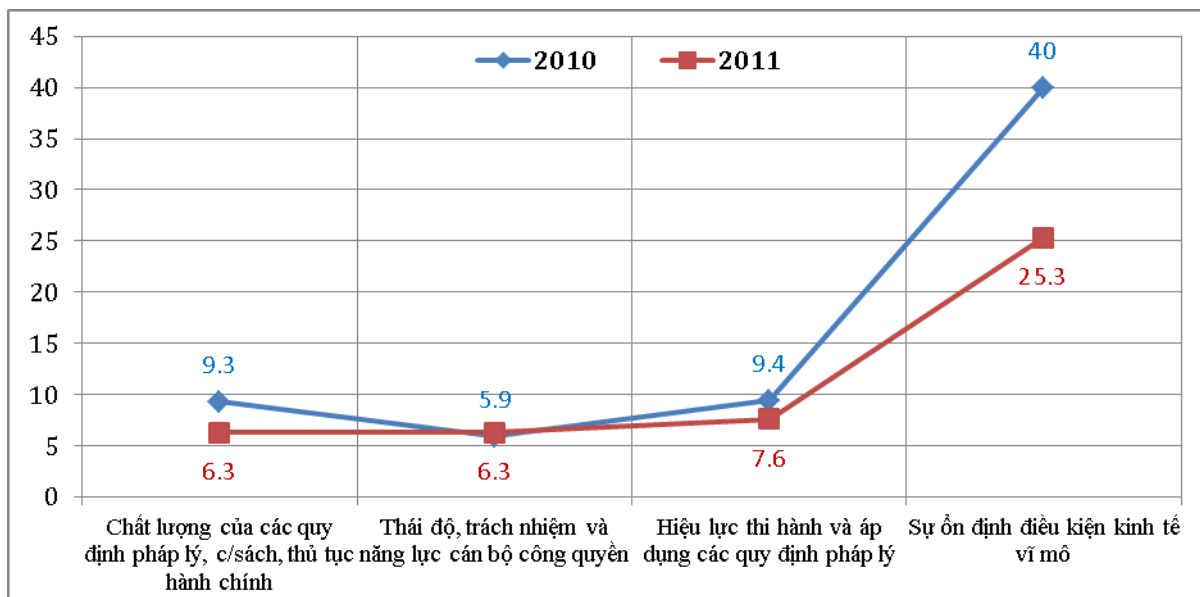
Hình 13: Dự cảm tốt lên về ảnh hưởng của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2010

Đơn vị : %



Hình 14: Dự cảm xấu đi về ảnh hưởng của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2010

Đơn vị : %

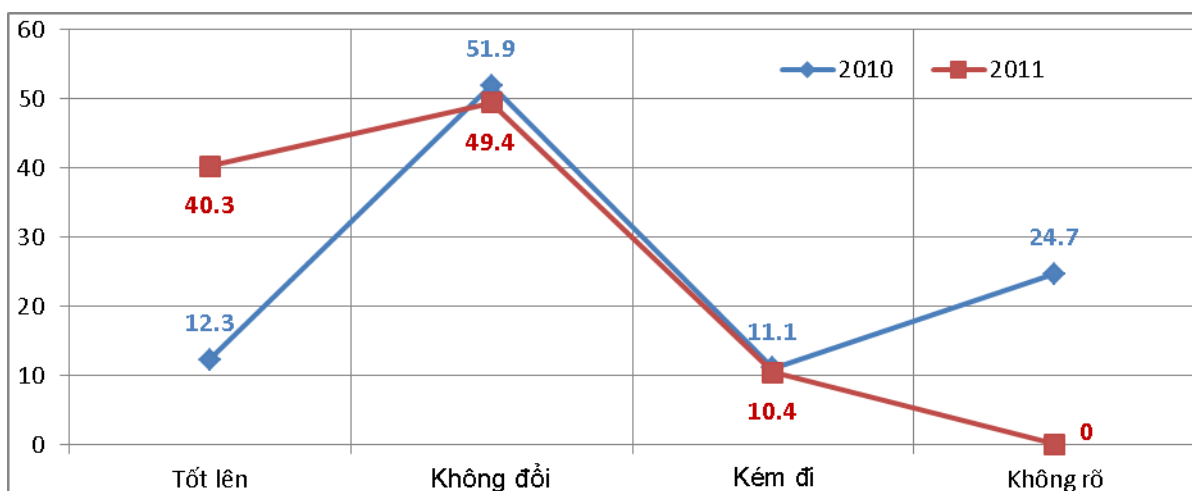


3.2.2. Dự cảm về các điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2011

Nhìn chung, dự cảm tốt của các doanh nghiệp tham gia khảo sát về điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh có tăng lên, từ 12,3% năm 2010 lên 40,3% năm 2011. Tuy nhiên tỷ lệ tăng lên này chủ yếu là do sự nhận thức lại rõ ràng hơn của những doanh nghiệp chưa có đánh giá năm 2010, còn tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá ảnh hưởng kém đi của các điều kiện phục vụ sản xuất là hầu như không đổi.

Hình 15: Dự cảm về ảnh hưởng chung của tổng thể điều kiện sản xuất kinh doanh đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2011

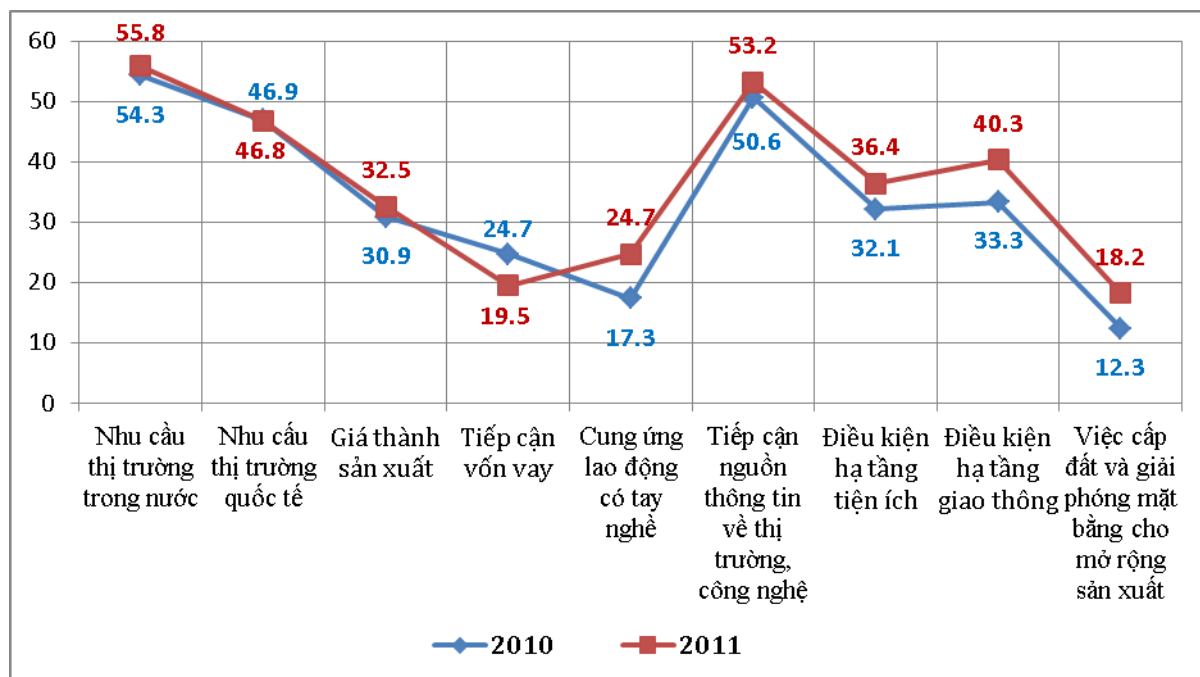
Đơn vị : %



Điều này càng rõ ràng hơn khi phân tích chi tiết các điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh trong các hình 16 và 16. Theo dự cảm của doanh nghiệp, tác động của các yếu tố này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dường như không thay đổi nhiều so với năm 2010. Ba yếu tố mà theo dự cảm của doanh nghiệp sẽ có nhiều tác động tích cực nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn là “Nhu cầu thị trường trong nước” – 55,8%, “Tiếp cận nguồn thông tin thị trường và công nghệ” – 53,2% và “Nhu cầu thị trường quốc tế” – 46,8%. Các dự cảm tốt của doanh nghiệp về ảnh hưởng của các điều kiện sản xuất kinh doanh đến doanh nghiệp hầu như không thay đổi nhiều so với các đánh giá có được trong năm 2010, trừ một số trường hợp có cải thiện tốt lên như “Cung ứng lao động có tay nghề”, “Điều kiện hạ tầng giao thông”, “Việc cấp đất và giải phóng mặt bằng cho mở rộng sản xuất”. Trong số 9 yếu tố của điều kiện sản xuất, chỉ có “Tiếp cận vốn vay” là có tỷ lệ dự cảm tốt năm 2011 giảm đi so với các đánh giá của năm 2010. Đáng chú là tỷ lệ này cũng là tỷ lệ dự cảm tốt đối với yếu tố này gần như thấp nhất trong số 9 yếu tố tạo nên điều kiện sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hình 16: Dự cảm tốt lên về ảnh hưởng của các điều kiện sản xuất kinh doanh đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2011

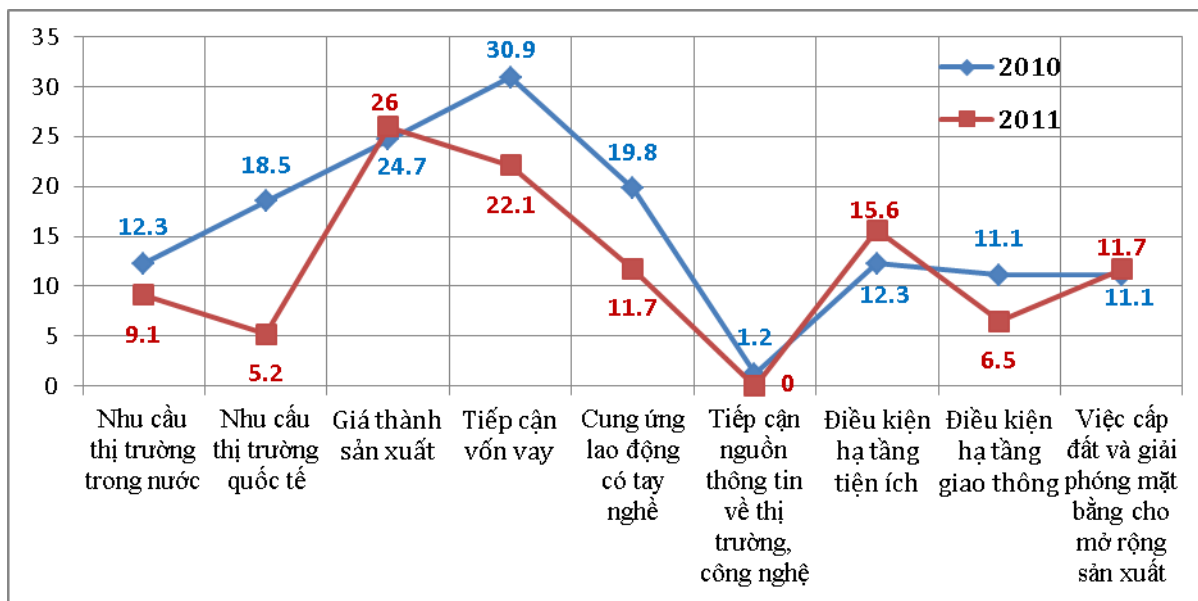
Đơn vị : %



Năm 2011, theo dự cảm của các doanh nghiệp, vấn đề đầu vào cho sản xuất như giá thành các nguyên liệu đầu vào và khả năng tiếp cận nguồn vốn vay, vẫn sẽ có tác động tiêu cực nhất đến các hoạt động của doanh nghiệp với tỷ lệ lần lượt là 26% và 22,1%. Hai yếu tố này cũng đã có những ảnh hưởng xấu nhất đến hoạt động của doanh nghiệp trong năm 2010. Với niềm tin rằng Chính phủ sẽ có những giải pháp kiểm soát lãi suất ngân hàng, các doanh nghiệp kỳ vọng tác động của việc khó năng tiếp cận các nguồn vốn vay sẽ giảm đi trong năm 2011, từ 30,9% xuống còn 22,1%. Một số yếu tố khác cũng có kỳ vọng giảm tác động xấu trong năm 2011 là “Nhu cầu thị trường quốc tế” (từ 18,5% xuống 5,2%), “Cung ứng lao động có tay nghề” (từ 19,8% xuống 11,7%), “Điều kiện hạ tầng giao thông” (từ 11,1% xuống 6,5%) và “Nhu cầu thị trường trong nước” (từ 12,3% xuống 9,1%).

Hình 17: Dự cảm xấu đi về ảnh hưởng của các điều kiện sản xuất kinh doanh đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2011

Đơn vị : %



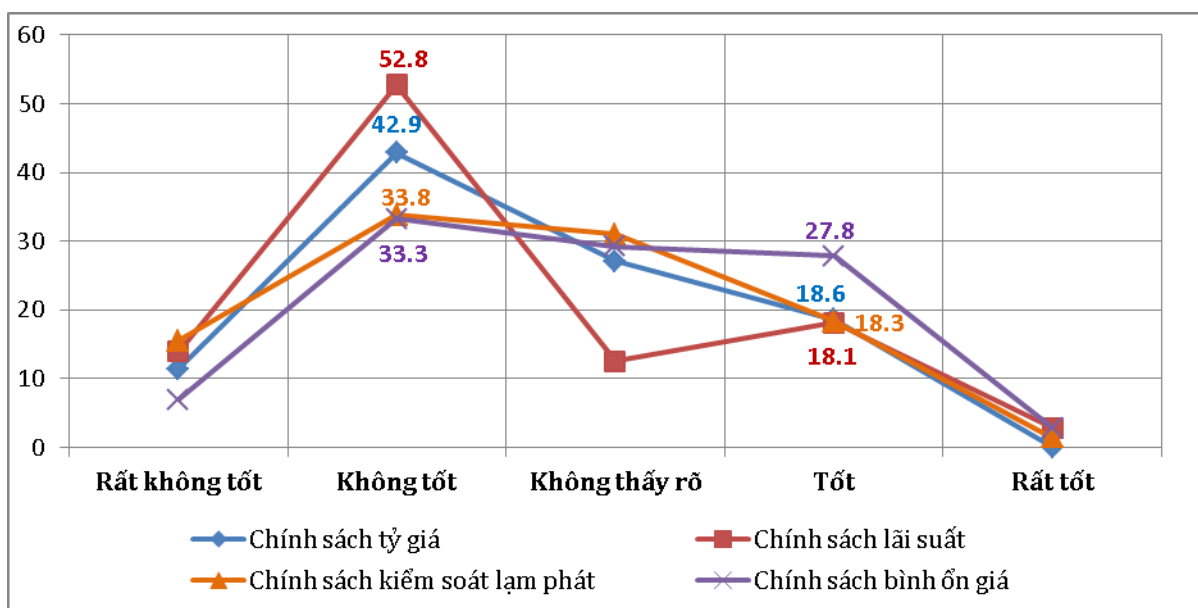
IV. ĐÓNG GÓP CHO CHÍNH PHỦ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH

4.1. Đối với các chính sách vĩ mô

Năm 2010, mặc dù Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách tiền tệ và tài khóa nhằm kiềm chế lạm phát và bình ổn tỷ giá, lãi suất, tuy nhiên thị trường tài chính tiền tệ vẫn diễn ra rất phức tạp, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Hình 18: Tác động của các chính sách tài khóa tiền tệ đến hoạt động của doanh nghiệp năm 2010

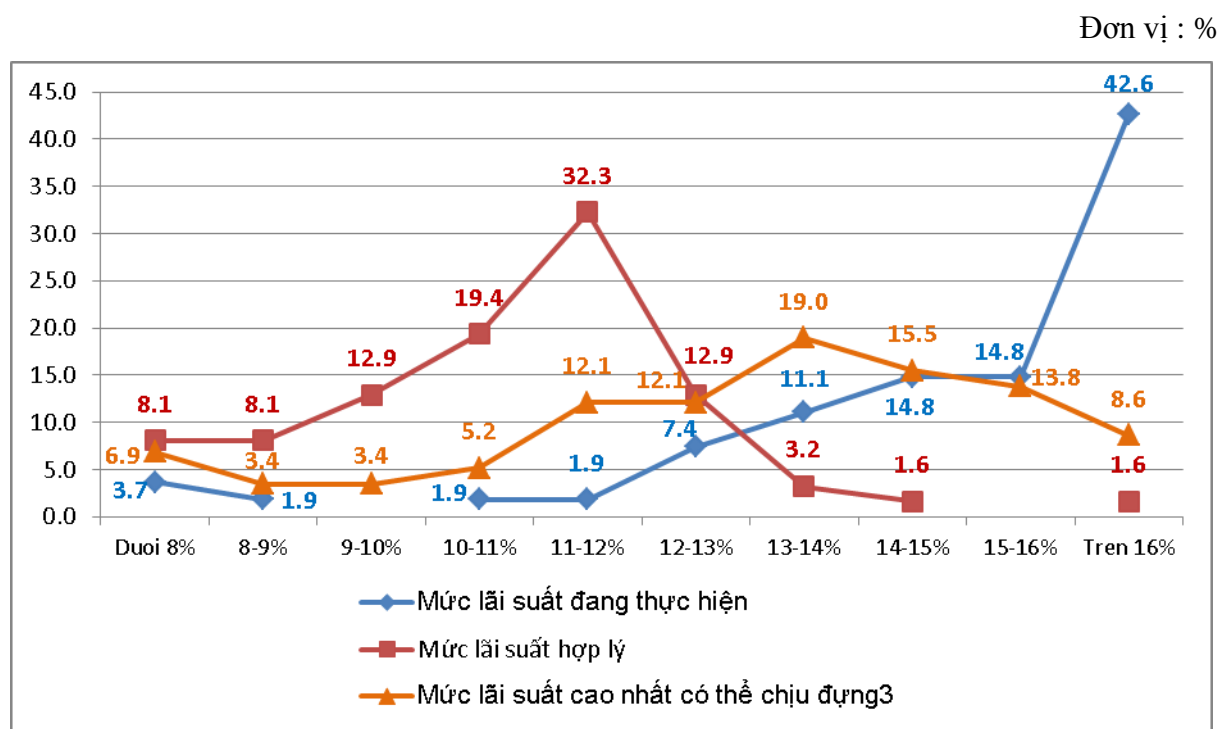
Đơn vị : %



Hình 18 cho thấy cả bốn chính sách gồm, chính sách tỷ giá, chính sách kiểm soát lạm phát, chính sách lãi suất và chính sách bình ổn giá của Chính phủ trong năm 2010 đều được đa số các doanh nghiệp đánh giá là chưa tốt. Trong đó đặc biệt là chính sách lãi suất, có đến 52,8% doanh nghiệp cho rằng chính sách này đã tác động không tốt tới doanh nghiệp và thậm chí 13,9% số doanh nghiệp còn cho rằng ảnh hưởng của chính sách này là rất không tốt. Trong năm 2010, lãi suất vay ngân hàng thường xuyên ở mức cao, có những thời điểm trên 20%, điều này đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp. Thêm vào đó, việc thực hiện các chính sách lãi suất chưa được nhất quán và kịp thời.

Trong tổng số 99 doanh nghiệp được khảo sát, có 51 doanh nghiệp có vay vốn ngân hàng trong năm 2010 để phục vụ sản xuất kinh doanh, tuy nhiên chỉ có 31 doanh nghiệp là được vay theo mức lãi suất niêm yết (chiếm 60,8%), còn lại là phải doanh nghiệp phải bỏ thêm một khoản chi phí phụ để có thể được vay vốn. Mặc dù mức lãi suất niêm yết mà doanh nghiệp được cho vay đã rất cao, có đến 42,6% doanh nghiệp phải vay với mức lãi suất trên 16%/năm. Đây chính là một trong những tác động xấu nhất của môi trường vĩ mô đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2010. Theo đánh giá của các doanh nghiệp, mức lãi suất cao nhất có thể chịu đựng được là từ 13-16%/năm còn mức lãi suất hợp lý sẽ là 11-12%/năm.

Hình 19: Lãi suất ngân hàng thực tế, kỳ vọng và khả năng chịu đựng



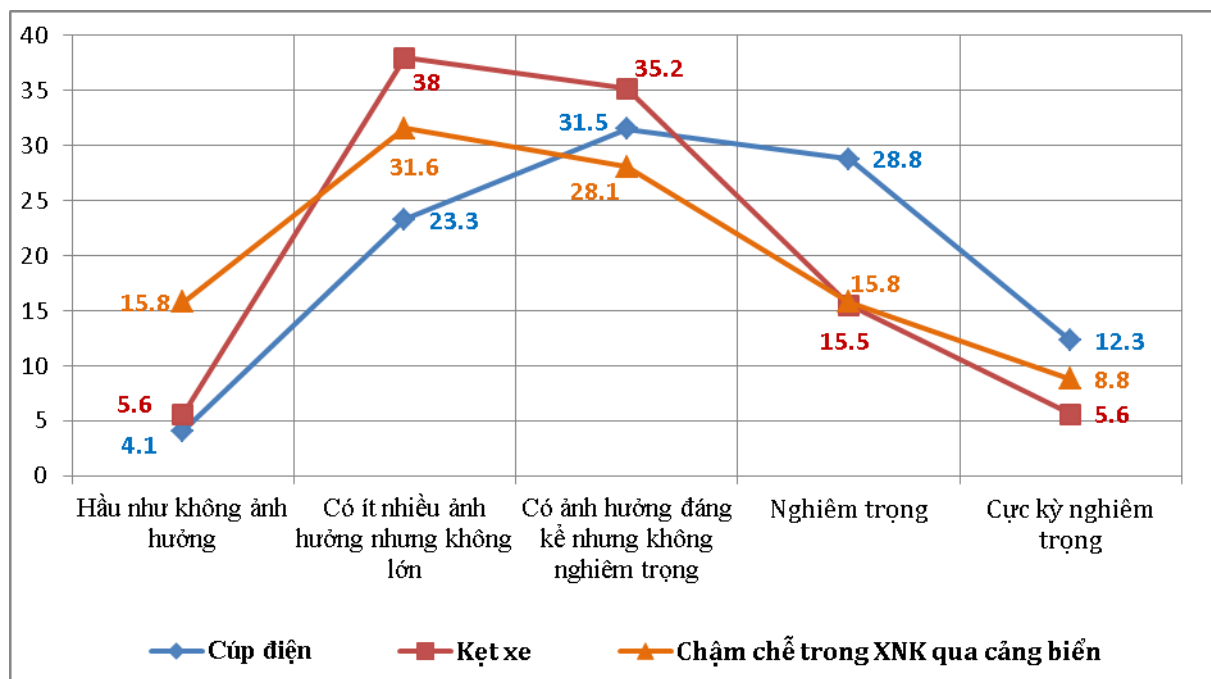
4.2. Đối với các yếu tố hạ tầng phục vụ sản xuất

Trong năm 2010, tình trạng thiếu điện đã diễn ra trầm trọng, dẫn đến việc cúp điện luân phiên. Việc cúp điện này đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động của nhiều doanh nghiệp. Việc cúp điện đã ảnh hưởng đáng kể đến 72,6% số doanh nghiệp được hỏi, trong đó 28,8% chịu ảnh hưởng nghiêm trọng và 12,3% thậm chí còn rất nghiêm trọng. Với tình trạng thiếu nước được dự báo trong năm 2011, việc thiếu điện năm 2011 sẽ còn nghiêm trọng hơn năm 2010, do đó nếu không có các biện pháp khắc phục kịp thời, việc cúp điện vẫn sẽ ảnh hưởng

lớn đến sản xuất kinh doanh năm 2011. Ngoài việc cúp điện, tình trạng kẹt xe, nhất là trong các thành phố và đô thị lớn, và sự chậm chễ trong xuất nhập khẩu qua cảng biển cũng là những yếu tố ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2010. Ba yếu tố này đã làm giảm tính hấp dẫn về môi trường đầu tư ở Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Hình 20: Tác động của các yếu tố hạ tầng tới hoạt động của doanh nghiệp năm 2010

Đơn vị : %



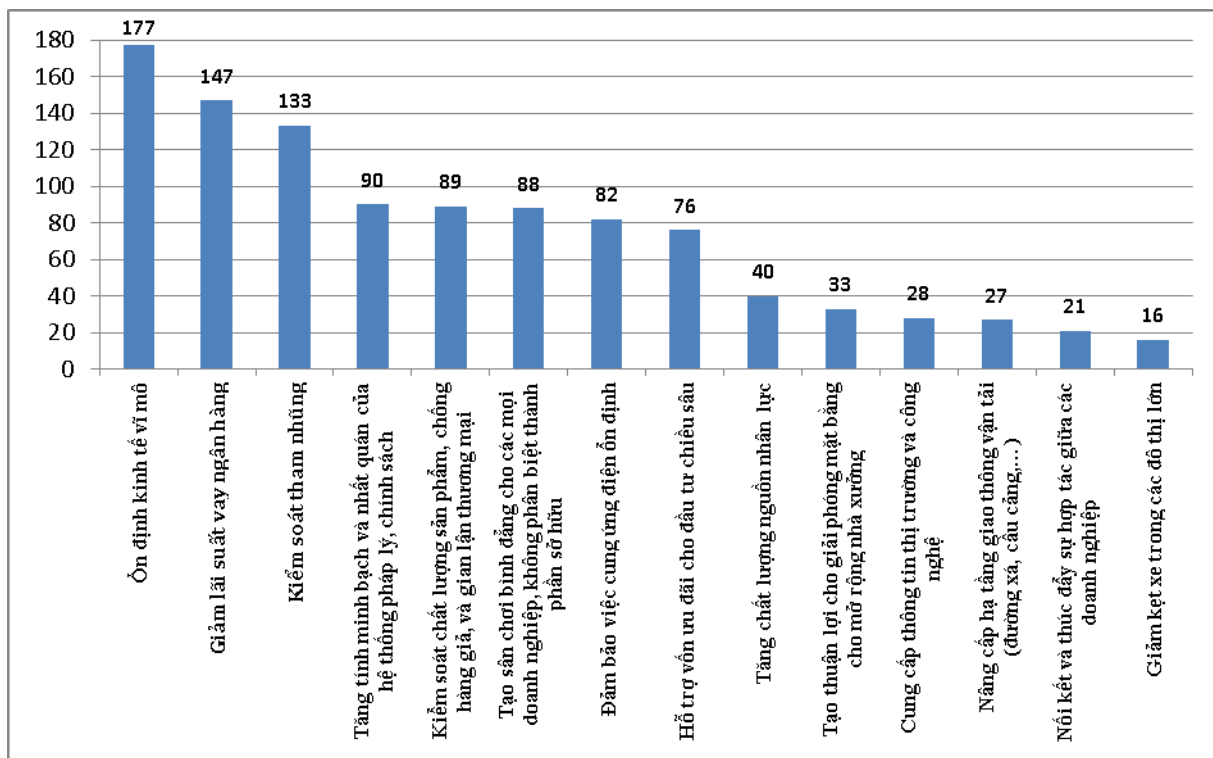
4.3. Kiến nghị đối với Chính phủ

Để giúp cho Chính phủ có những chính sách hợp lý nhằm cải thiện môi trường kinh doanh năm 2011, theo các doanh nghiệp được khảo sát, nhiệm vụ trước tiên và quan trọng nhất của Chính phủ là **ổn định kinh tế vĩ mô**. Việc ổn định kinh tế vĩ mô sẽ giúp cho các doanh nghiệp có điều kiện phát triển tốt hơn trong năm 2011 mà còn có thể hoạch định được các chiến lược kinh doanh của mình một cách lâu dài và bền vững. Ngoài việc ổn định kinh tế vĩ mô, hai nhiệm vụ ưu tiên tiếp theo mà Chính phủ cần phải thực hiện là **giảm lãi suất ngân hàng** và **kiểm soát tham nhũng**. Đây là 3 vấn đề quan trọng nhất mà Chính phủ cần có nỗ lực đột phá trong thời gian tới.

Tiếp đến là 5 nội dung quan trọng khác mà các doanh nghiệp mong muốn Chính phủ cần cải thiện, đó là : Tăng tính minh bạch và nhất quán của hệ thống pháp lý, chính sách; Kiểm soát chất lượng sản phẩm, chống hàng giả và gian lận thương mại; Tạo sân chơi bình đẳng cho mọi doanh nghiệp, không phân biệt thành phần sở hữu; Bảo đảm việc cung ứng điện ổn định; Hỗ trợ vốn ưu đãi cho đầu tư chiều sâu.

Hình 21: Nội dung kiến nghị đối với Chính phủ

Đơn vị : điểm quan trọng



PHỤ LỤC

Bảng 1 : Quy mô DN * Doanh thu Crosstabulation

			Doanh thu					Total
			Dưới 1 tỷ đồng	1-10 tỷ đồng	10-100 tỷ đồng	100-1000 tỷ đồng	Từ 1000 tỷ đồng	
Quy mô DN	DN siêu nhỏ	Count	6	3	1	0	0	10
		% within Quy mô DN	60.0%	30.0%	10.0%	.0%	.0%	100.0%
		% within Doanh thu	35.3%	14.3%	3.7%	.0%	.0%	10.1%
		% of Total	6.1%	3.0%	1.0%	.0%	.0%	10.1%
	DN nhỏ	Count	6	15	20	4	4	49
		% within Quy mô DN	12.2%	30.6%	40.8%	8.2%	8.2%	100.0%
		% within Doanh thu	35.3%	71.4%	74.1%	20.0%	28.6%	49.5%
		% of Total	6.1%	15.2%	20.2%	4.0%	4.0%	49.5%
	DN vừa	Count	2	1	2	0	1	6
		% within Quy mô DN	33.3%	16.7%	33.3%	.0%	16.7%	100.0%
		% within Doanh thu	11.8%	4.8%	7.4%	.0%	7.1%	6.1%
		% of Total	2.0%	1.0%	2.0%	.0%	1.0%	6.1%
	DN lớn	Count	3	2	4	16	9	34
		% within Quy mô DN	8.8%	5.9%	11.8%	47.1%	26.5%	100.0%
		% within Doanh thu	17.6%	9.5%	14.8%	80.0%	64.3%	34.3%
		% of Total	3.0%	2.0%	4.0%	16.2%	9.1%	34.3%
Total	Count	17	21	27	20	14	99	
	% within Quy mô DN	17.2%	21.2%	27.3%	20.2%	14.1%	100.0%	
	% within Doanh thu	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%	
	% of Total	17.2%	21.2%	27.3%	20.2%	14.1%	100.0%	

Bảng 2 : Gia ban bình quan * Gia thanh tren don vi san pham Crosstabulation

			Gia thanh tren don vi san pham			
			Tang len	Co ban on dinh	Giam di	Total
Gia ban binh quan	Tang len	Count	30	6	3	39
		% within Gia ban binh quan	76.9%	15.4%	7.7%	100.0%
		% within Gia thanh tren don vi san pham	50.0%	23.1%	50.0%	42.4%
		% of Total	32.6%	6.5%	3.3%	42.4%
	Co ban on dinh	Count	20	19	1	40
		% within Gia ban binh quan	50.0%	47.5%	2.5%	100.0%
		% within Gia thanh tren don vi san pham	33.3%	73.1%	16.7%	43.5%
		% of Total	21.7%	20.7%	1.1%	43.5%
	Giam di	Count	10	1	2	13
		% within Gia ban binh quan	76.9%	7.7%	15.4%	100.0%
		% within Gia thanh tren don vi san pham	16.7%	3.8%	33.3%	14.1%
		% of Total	10.9%	1.1%	2.2%	14.1%
	Total	Count	60	26	6	92
		% within Gia ban binh quan	65.2%	28.3%	6.5%	100.0%
		% within Gia thanh tren don vi san pham	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%
		% of Total	65.2%	28.3%	6.5%	100.0%